

Bản án số: 69/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25-8-2023.
“V/v Không công nhận quan hệ
vợ chồng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Thanh Phong.

Bà Sơn Thị Vành Đa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 124/2023/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 7 năm 2023 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Minh P, sinh năm 1978. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Chị Phạm Kim N, sinh năm 1977. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số A ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện lập ngày 27-3-2023 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh Lê Minh P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1997, anh Lê Minh P và chị Phạm Kim N tổ chức tiệc cưới và tự nguyện chung sống với nhau nhưng không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi tổ chức lễ cưới, anh P và chị N chung sống tại ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu vợ chồng anh P và chị N chung sống với nhau hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, dù đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng đều không được nên anh P và chị N đã sống ly thân từ năm 2006 cho đến nay. Nay anh Lê Minh P nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu Toà án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị Phạm Kim N.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh P và chị N có 03 (ba) người con chung là Lê Thúy H, sinh ngày 11-6-1998; Lê Minh C, sinh ngày 01-02-2000 và Lê Thị N1, sinh ngày 19-8-2004, hiện nay các con chung đều đã trưởng thành và có cuộc sống riêng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Nay anh Lê Minh P yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Minh P yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh P và chị Phạm Kim N.

+ Về con chung: Đối với 03 (ba) con chung là Lê Thúy H, sinh ngày 11-6-1998; Lê Minh C, sinh ngày 01-02-2000 và Lê Thị N1, sinh ngày 19-8-2004 hiện nay đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Chị Phạm Kim N trình bày:** Chị thống nhất với lời trình bày của anh Lê Minh P về vấn đề hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung như anh P trình bày là đúng. Nay anh P yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với chị thì chị đồng ý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn anh Lê Minh P và bị đơn chị Phạm Kim N. Tuy nhiên, anh P và chị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Minh P và chị Phạm Kim N.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Lê Minh P và chị Phạm Kim N thống nhất cho rằng vào năm 1997 anh chị được hai gia đình tổ chức đám cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn, mặc dù anh P và chị N chung sống với nhau là hoàn toàn tự nguyện nhưng quan hệ hôn nhân không được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống thì anh P và chị N xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, và anh chị cũng đã sống ly thân từ năm 2006 cho đến nay đã 17 năm. Nay anh P yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với chị N thì chị N cũng đồng ý, từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa hai người không thể giải quyết được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 2 Điều 53 của

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của anh Lê Minh P về việc không công nhận vợ chồng với chị Phạm Kim N.

[3]. Về con chung: Do các con chung đã trưởng thành có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên anh P và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: anh Lê Minh P phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Lê Minh P và chị Phạm Kim N là vợ chồng.

2/ Về con chung: Các con chung đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không có, các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Lê Minh P phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010706 ngày 18-7-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Anh Lê Minh P đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5/ Anh Lê Minh P và chị Phạm Kim N có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- Phòng NVKT-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã Mỹ Thuận, huyện Mỹ Tú;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Anh Tuấn

